

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỀU CHỈNH GIÁM KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THUỘC CÁC CTMTQG NĂM 2025 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026
CHƯƠNG 422 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ GIAO	TỔNG SỐ ĐÃ ĐIỀU CHỈNH	Điều chỉnh giảm vốn ngân sách trung ương	Điều chỉnh giảm vốn đối ứng ngân sách địa phương	CHI TIẾT TỪNG ĐƠN VỊ							
						Văn phòng Sở			TRUNG TÂM GDNN-GDTX 1			TRUNG TÂM GGNN-GDTX 2	
						TỔNG SỐ	Điều chỉnh giảm vốn ngân sách trung ương	Điều chỉnh giảm vốn đối ứng ngân sách địa phương	TỔNG SỐ	Điều chỉnh giảm vốn ngân sách trung ương	Điều chỉnh giảm vốn đối ứng ngân sách địa phương	TỔNG SỐ	Điều chỉnh giảm vốn ngân sách trung ương
A	B	C	1 = 2+3	2 = 5+8+11+14+17	3 = 6+9+12+15+18	4 = 5+6	5	6	7 = 8+9	8	9	10 =11+12	11
I	Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ		-										
1	Số thu nguồn vốn viện trợ		-	-									
2	Chi từ nguồn vốn viện trợ		-	-									
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo		-										
II	Dự toán chi NSNN	8.073.048,669	8.073.048,669	7.483.089,029	589.959,640	52.956,004	52.956,004	-	2.728.892,747	2.295.892,747	433.000,000	414.283,760	414.283,760
1	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKT-XH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.393.846,483	2.393.846,483	1.958.886,843	434.959,640	12.568,400	12.568,400	-	820.892,747	448.892,747	372.000,000	195.314,260	195.314,260
1.1	Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.381.278,083	2.381.278,083	1.946.318,443	434.959,640	-	-	-	820.892,747	448.892,747	372.000,000	195.314,260	195.314,260
	Tiểu dự án 2 Đào tạo tiếng dân tộc	153.012,000	153.012,000	153.012,000	-					-		153.012,000	153.012,000
	Tiểu dự án 3 Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTS&MN	2.228.266,083	2.228.266,083	1.793.306,443	434.959,640				820.892,747	448.892,747	372.000,000	42.302,260	42.302,260
1.2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	12.568,400	12.568,400	12.568,400	-	12.568,400	12.568,400	-		-			
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	12.568,400	12.568,400	12.568,400	-	12.568,400	12.568,400					-	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	5.679.202,186	5.679.202,186	5.524.202,186	155.000,000	40.387,604	40.387,604	-	1.908.000,000	1.847.000,000	61.000,000	218.969,500	218.969,500
2.1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	5.638.814,582	5.638.814,582	5.483.814,582	155.000,000	-	-	-	1.908.000,000	1.847.000,000	61.000,000	218.969,500	218.969,500
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	5.638.814,582	5.638.814,582	5.483.814,582	155.000,000				1.908.000,000	1.847.000,000	61.000,000	218.969,500	218.969,500
2.2	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình	40.387,604	40.387,604	40.387,604	-	40.387,604	40.387,604	-					
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	29.897,604	29.897,604	29.897,604	-	29.897,604	29.897,604						
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	10.490,000	10.490,000	10.490,000	-	10.490,000	10.490,000						

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỀU CHỈNH GIÁM KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THUỘC CÁC CTMTQG NĂM 2025 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2026
CHƯƠNG 422 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	CHI TIẾT TỪNG ĐƠN VỊ							GHI CHÚ
		TX 2	Trung tâm GDNN-GDTX 3			Trung tâm GDNN-GDTX 4			
			Điều chỉnh giảm vốn đối ứng ngân sách địa phương	TỔNG SỐ	Điều chỉnh giảm vốn ngân sách trung ương	Điều chỉnh giảm vốn đối ứng ngân sách địa phương	TỔNG SỐ	Điều chỉnh giảm vốn ngân sách trung ương	
A	B	12	13 =14+15	14	15	16 =17+18	17	18	19
I	Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ								
1	Số thu nguồn vốn viện trợ								
2	Chi từ nguồn vốn viện trợ								
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo								
II	Dự toán chi NSNN	-	395.347,892	238.388,252	156.959,640	4.481.568,266	4.481.568,266	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKT-XH, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	62.959,640	-	62.959,640	1.302.111,436	1.302.111,436	-	
1.1	Dự án 5: Phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	-	62.959,640	-	62.959,640	1.302.111,436	1.302.111,436	-	
	Tiểu dự án 2 Đào tạo tiếng dân tộc						-		
	Tiểu dự án 3 Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTS&MN		62.959,640		62.959,640	1.302.111,436	1.302.111,436		
1.2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình						-		
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình								
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	-	332.388,252	238.388,252	94.000,000	3.179.456,830	3.179.456,830	-	
2.1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	-	332.388,252	238.388,252	94.000,000	3.179.456,830	3.179.456,830		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		332.388,252	238.388,252	94.000,000	3.179.456,830	3.179.456,830		
2.2	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình					-	-		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình					-	-		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá					-	-		